

Bản tin Phân tích kỹ thuật

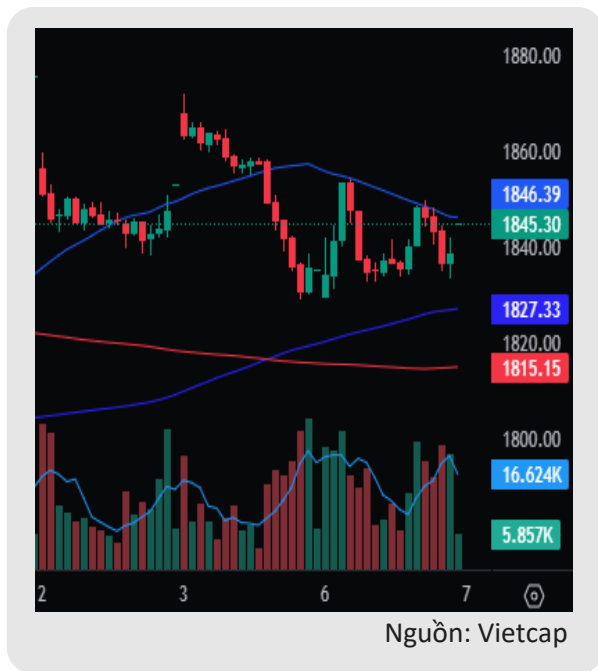
06/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 giảm co phần lớn thời gian trong ngày. Hợp đồng đóng cửa trên đường MA20 với kháng cự gần nhất tại 1.847 điểm. (M15)
- Dự báo đà tăng sẽ được cải thiện, củng cố nhịp hồi phục về vùng 1.860 điểm nếu xuất hiện nến đóng cửa vượt 1.847 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ vi phạm ngưỡng 1.840 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.847 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.860 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.840 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Trung tính
VN30	Trung tính	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực

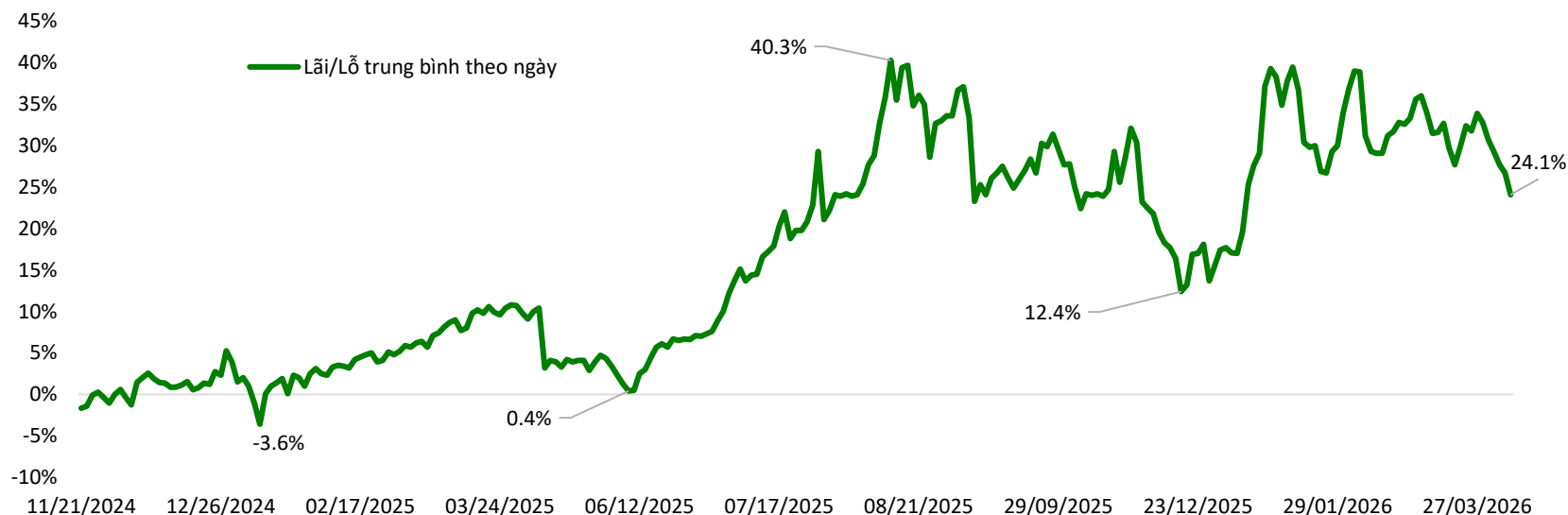


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, áp lực bán ở mức cao tại nhóm Dầu khí và Bảo hiểm, trong khi lực cung ở các nhóm ngành còn lại đã được tiết chế đáng kể. Tuy nhiên, tại vùng giá thấp của VN-Index quanh 1.670 điểm, hoạt động mua mới vẫn khá mờ nhạt.
- Về mặt kỹ thuật, các nhóm ngành có tính dẫn dắt cao như Ngân hàng, Bất động sản, Vật liệu, Tiêu dùng và Bán lẻ ghi nhận tỷ lệ cổ phiếu mang tín hiệu giảm lần lượt ở mức 64%, 47%, 42%, 50% và 50% toàn ngành.
- Diễn biến cung cầu cho thấy áp lực bán trong phiên 06/04 đã thuyên giảm rõ khi VN-Index tiếp cận vùng hỗ trợ quan trọng 1.660 điểm. Tuy nhiên, lực mua trên các nhóm ngành dẫn dắt vẫn thấp và chưa đủ để tạo thế áp đảo. Theo đó, chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục dao động quanh vùng 1.660 điểm, với kháng cự trong ngày tại 1.686 điểm (MA5), nhằm tìm kiếm lực mua vùng thấp.
- Khuyến nghị chưa mở mới các vị thế ngắn hạn và tiếp tục chờ tín hiệu xác nhận từ hoạt động mua diện rộng.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026		Đang mở	81,200	75,400	7.7%	71,000	82,500	80,000	92,000
PC1	26/03/2026	06/04/2026	Dừng lỗ	26,000	28,100	-7.5%	26,000	31,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	46,100	6.96%	9.89%	137,714	2.284	3,824	2.9	12.1	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
VHM	117,000	-1.85%	13.59%	480,567	-2.113	10,200	2.0	11.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	25,100	-4.74%	-13.89%	125,683	-1.420	1,041	2.1	24.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	29,050	-2.35%	-4.75%	205,855	-1.154	3,577	1.2	8.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VIC	141,600	0.43%	9.34%	1,091,174	1.106	1,468	7.4	96.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	78,500	-1.51%	-2.85%	189,417	-0.679	4,730	2.9	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	49,000	-2.39%	-6.49%	113,268	-0.645	2,713	2.6	18.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BVH	81,200	-4.47%	-3.91%	60,277	-0.642	3,821	2.5	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	58,000	0.52%	0.00%	484,629	0.600	4,210	2.2	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBB	25,650	-1.16%	-0.39%	206,611	-0.569	3,325	1.5	7.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
GVR	31,450	-1.87%	-4.98%	125,800	-0.561	1,330	2.2	23.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	39,350	0.77%	-0.25%	286,471	0.524	4,265	1.7	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHB	14,500	-2.68%	-4.78%	73,270	-0.469	2,601	1.1	5.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VNM	60,900	1.50%	0.50%	127,278	0.455	4,503	4.2	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PLX	38,900	-3.23%	-6.04%	49,426	-0.381	2,106	1.9	18.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	149,000	-4.73%	-7.57%	29,800	-0.705	9,851	5.8	15.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PVS	37,800	-6.44%	-11.68%	19,332	-0.622	3,616	1.3	10.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVI	78,000	-3.94%	-1.89%	18,271	-0.360	4,709	2.2	16.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	15,900	-4.22%	-7.02%	16,986	-0.358	514	1.6	30.9	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	19,500	-2.50%	2.94%	19,518	-0.244	1,868	2.4	10.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	45,700	-2.35%	-6.35%	17,343	-0.204	5,090	2.7	9.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	82,500	-0.48%	-0.24%	74,232	-0.179	17,930	4.3	4.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	16,500	-2.37%	-1.20%	14,841	-0.176	1,500	1.2	11.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	16,000	-3.03%	-4.19%	9,079	-0.138	312	1.5	51.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIT	24,000	-9.09%	-7.34%	1,651	-0.075	1,441	2.5	16.7	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	88,600	-2.21%	-2.42%	272,168	-0.278	3,056	6.6	29.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
FOX	78,200	-4.05%	-10.32%	58,048	-0.109	4,627	5.3	17.0	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MVN	48,400	-3.20%	-7.28%	58,430	-0.087	1,622	4.2	30.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MSR	47,500	-1.66%	-8.65%	53,044	-0.041	10	4.4	4,695.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
IDP	250,000	-5.48%	-5.30%	15,451	-0.039	2,836	4.7	88.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	14,300	-5.30%	-10.06%	14,882	-0.037	420	1.4	34.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEF	106,400	2.41%	11.41%	17,568	0.020	92,449	2.6	1.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
RGG	38,000	-5.00%	-4.52%	7,640	-0.018	378	3.1	101.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MML	31,300	-3.10%	-3.99%	10,596	-0.015	1,693	2.1	18.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VBB	10,900	-2.68%	3.81%	11,980	-0.015	1,457	1.0	7.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCM	22,150	-1.8%	16.3	34.1	22,200	33,004	1.0	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	9,790	-1.5%	8.0	16.3	9,890	16,000	0.9	23.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	12,800	-3.0%	13.3	34.9	13,200	27,314	1.0	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HBC	5,000	-2.0%	9.2	6.9	5,100	8,600	0.9	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
APG	5,250	-6.9%	8.9	7.1	5,530	13,000	0.5	215.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BMI	16,050	-7.0%	24.7	7.4	15,929	20,950	0.8	9.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			06/04/2026	03/04/2026	02/04/2026	01/04/2026	31/03/2026	30/03/2026	27/03/2026	26/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	26%	29%	31%	31%	30%	31%	31%	28%
		Dưới	74%	71%	69%	69%	70%	69%	69%	72%
	MA50	Trên	19%	23%	26%	28%	27%	26%	25%	23%
		Dưới	81%	77%	74%	72%	73%	74%	75%	77%
	MA20	Trên	30%	40%	47%	53%	44%	39%	39%	29%
		Dưới	70%	60%	53%	47%	56%	61%	61%	71%
VN30	MA200	Trên	33%	33%	33%	43%	37%	37%	40%	27%
		Dưới	67%	67%	67%	57%	63%	63%	60%	73%
	MA50	Trên	7%	7%	10%	23%	0%	0%	0%	0%
		Dưới	93%	93%	90%	77%	100%	100%	100%	100%
	MA20	Trên	30%	47%	57%	67%	50%	33%	27%	23%
		Dưới	70%	53%	43%	33%	50%	67%	73%	77%
HNX	MA200	Trên	36%	38%	39%	40%	42%	40%	38%	38%
		Dưới	64%	62%	61%	60%	58%	60%	62%	62%
	MA50	Trên	32%	34%	35%	36%	36%	35%	33%	31%
		Dưới	68%	66%	65%	64%	64%	65%	67%	69%
	MA20	Trên	36%	38%	39%	40%	42%	40%	38%	38%
		Dưới	64%	62%	61%	60%	58%	60%	62%	62%
UPCOM	MA200	Trên	32%	34%	34%	36%	34%	35%	33%	31%
		Dưới	68%	66%	66%	64%	66%	65%	67%	69%
	MA50	Trên	32%	33%	34%	33%	33%	33%	32%	31%
		Dưới	68%	67%	66%	67%	67%	67%	68%	69%
	MA20	Trên	38%	37%	38%	39%	39%	38%	37%	37%
		Dưới	62%	63%	62%	61%	61%	62%	63%	63%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 4										Tháng 3									
		06 +	03	02	01	31	30	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11	10
1	Y tế	64	67	70	69	67	69	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74	-
2	Bảo hiểm	58	63	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31	28
3	Điện, nước & xăng d...	51	52	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58	54
4	Bất động sản	48	51	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20	19
5	Bán lẻ	48	50	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43	39
6	Ô tô và phụ tùng	47	51	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39	36
7	Tài nguyên Cơ bản	45	47	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54	48
8	Xây dựng và Vật liệu	45	48	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36	34
9	Dầu khí	41	43	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78	77
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	40	42	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50	50
11	Thực phẩm và đồ uống...	40	36	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35	31
12	Du lịch và Giải trí	38	40	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23	22
13	Hóa chất	37	40	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63	60
14	Ngân hàng	36	35	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36	31
15	Dịch vụ tài chính	34	41	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43	42
16	Hàng cá nhân & Gia ...	34	37	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58	49
17	Công nghệ Thông tin	16	17	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11	10

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	117,000	-1.8%	13.6%	480,567	2.0	11.5	10,200	378.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	46,100	7.0%	9.9%	137,714	2.9	12.1	3,824	182.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
VCK	36,800	-0.5%	8.2%	89,605	3.1	22.8	1,613	199.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SIP	60,900	2.5%	1.5%	14,745	2.9	11.2	5,464	15.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCI	9,860	6.9%	11.0%	1,140	0.8	97.3	101	5.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXP	13,400	3.1%	0.0%	803	0.8	6.6	2,047	10.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAV	8,800	-2.2%	14.3%	607	0.9	-28.3	-311	6.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNM	8,500	2.4%	4.9%	373	0.8	21.4	393	6.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	198,000	1.9%	7.3%	72,468	9.0	22.2	8,918	192.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,600	0.7%	0.0%	20,290	1.2	5.5	2,625	13.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	31,400	-0.2%	-1.1%	6,559	1.2	9.8	3,220	20.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	48,000	-3.2%	1.3%	5,123	2.1	19.8	2,419	21.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	14,550	1.7%	5.1%	32,512	0.7	16.5	884	340.5	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
HCM	24,000	-0.6%	7.6%	25,919	1.8	16.5	1,454	389.9	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	8,600	-4.4%	2.4%	977	0.8	32.7	263	33.2	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	81,200	-4.5%	-3.9%	60,277	2.5	21.3	3,821	28.7	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KOS	38,650	0.4%	-1.0%	8,367	3.6	441.6	88	13.9	Tích cực	5.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MIG	18,900	-3.8%	-4.5%	3,997	1.5	12.3	1,542	8.8	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSH	14,100	2.9%	1.4%	490	0.7	1.0	14,731	6.8	Tích cực	5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCO	12,550	-6.7%	-10.4%	393	1.1	10.5	1,198	6.8	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VFS	12,800	-3.0%	-12.9%	1,792	1.0	12.0	1,064	13.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCX	49,000	-2.4%	-6.5%	113,268	2.6	18.1	2,713	69.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPX	27,950	-0.5%	-3.3%	52,406	1.6	12.2	2,298	24.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	38,900	-3.2%	-6.0%	49,426	1.9	18.5	2,106	122.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	12,400	-2.0%	-5.0%	38,041	1.1	14.5	854	105.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HUT	15,900	-4.2%	-7.0%	16,986	1.6	30.9	514	47.5	Tiêu cực	-7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KDC	48,400	-1.1%	-1.2%	14,027	2.0	26.9	1,803	12.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	57,400	0.0%	-3.2%	12,884	1.3	9.1	6,319	36.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTD	78,600	-1.8%	-6.4%	8,371	0.9	10.6	7,388	36.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
VGT	11,900	0.0%	-1.7%	5,915	0.8	7.0	1,703	5.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	26,900	-1.8%	-2.9%	3,987	1.8	6.3	4,318	20.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	22,150	-1.8%	-3.5%	2,482	1.0	9.2	2,402	16.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	35,950	-3.2%	-8.3%	2,428	1.9	25.7	1,401	23.5	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
YEG	9,790	-1.5%	-1.6%	1,878	0.9	23.2	422	8.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	16,400	-2.4%	-5.2%	1,851	1.3	11.3	1,455	7.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	15,600	-3.1%	-2.5%	1,785	0.6	11.5	1,362	10.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VOS	12,250	-2.0%	-3.2%	1,715	0.8	5.6	2,177	15.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
APG	5,250	-6.9%	-6.3%	1,174	0.5	215.0	24	8.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DRI	12,400	-0.8%	-3.9%	911	1.3	5.8	2,150	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NRC	5,800	1.8%	-1.7%	537	0.5	15.1	383	12.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,400	-2.90%	-4.29%	25,500	90.3%	357	1.1	37.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	7,160	-4.15%	-0.97%	13,600	89.9%	607	0.7	11.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	25,000	-1.19%	-4.03%	43,700	74.8%	936	1.5	26.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DXG	13,850	-3.82%	-3.15%	24,000	73.3%	231	1.1	60.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	53,000	-6.19%	7.94%	91,200	72.1%	7,965	1.3	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,700	-1.42%	-3.65%	45,800	65.3%	1,805	1.1	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
FPT	73,900	-0.14%	-0.14%	116,600	57.8%	5,515	3.5	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SZC	27,400	-2.66%	-6.32%	42,400	54.7%	1,916	1.5	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	37,800	-6.44%	-11.68%	58,100	53.7%	3,616	1.3	10.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	26,950	-0.19%	1.51%	40,800	51.4%	1,967	2.1	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPB	25,600	-0.78%	-1.92%	38,000	48.4%	3,024	1.2	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVT	20,750	-1.89%	-5.03%	30,800	48.4%	2,208	1.1	9.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	36,400	3.12%	0.28%	54,000	48.4%	1,638	1.9	22.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGC	43,900	-2.12%	-2.01%	64,100	46.0%	3,130	2.3	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PLC	22,000	-3.93%	-5.17%	31,900	45.0%	334	1.4	65.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	16,050	-6.96%	-5.87%	23,100	43.9%	1,708	0.8	9.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	29,050	-2.35%	-4.75%	41,500	42.9%	3,577	1.2	8.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACV	45,800	0.00%	1.55%	64,600	41.0%	3,019	2.3	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACG	33,000	-1.49%	-5.17%	45,800	38.8%	3,342	1.2	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
ACB	23,250	-1.06%	-2.11%	32,000	37.6%	3,042	1.3	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn